TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2026/DS-ST
Ngày: 11-9-2026.
Về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Được.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 404/2026/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230A/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 186/2026/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Tên mới là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1).

Địa chỉ cũ: Số B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ mới: Số D - D - D N, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Faussier Loic Michel M; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lã Quí Đ; chức vụ: Giám đốc Phòng G thuộc Chi nhánh B – Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1.

Địa chỉ: Số G Hương lộ E, xã L, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Lã Q Đảng ủy quyền lại cho bà: Vương Thị Kim N – Chuyên viên kiểm soát rủi ro Phòng G thuộc Chi nhánh B – Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1. "Có mặt"

Bị đơn: Ông Võ Lê Chiến T, sinh năm 1995; CCCD số 077095004144 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/4/2021.

Địa chỉ: Số D Ô, ấp H, xã L, thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số D Ô, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). "Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S1 trình bày:

Ngày 24/6/2024, ông Võ Lê Chiến T ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 (Viết tắt là S2) hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (gồm Giấy đề nghị phát hành và sử dụng thẻ cá nhân và bản điều khoản, điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, gọi chung là hợp đồng), hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, cụ thể như sau:

S2 cấp tín dụng cho ông T qua hình thức vay tín chấp mở thẻ tín dụng VISA; hạn mức thẻ là 30.000.000 đồng; lãi suất 2,49%/tháng, mục đích sử dụng thẻ tín dụng là tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được S2 cấp tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch tổng số tiền 42.000.000 đồng. Lãi suất được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất ngân hàng áp dụng theo từng thời điểm khác nhau. Kể từ ngày kích hoạt thẻ ông T đã thanh toán cho S2 số tiền 17.269.000 đồng.

Do ông T không tiếp tục trả nợ, S2 đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ngày 26/9/2025 S2 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông T và chuyển toàn bộ dư nợ của ông T tại thời điểm này là 16.504.398 đồng nợ gốc sang nợ quá hạn (150% lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 11/9/2026, ông T nợ S2 số tiền gốc và lãi tổng cộng là 43.813.740 đồng, cụ thể:

1. Số thẻ: 211251-9599: Số tiền gốc tính từ ngày 25/12/2025 là 16.080.000 đồng

- Việc tính lãi quá hạn được tính trên cơ sở như sau:

+ Lãi vay tiêu dùng 2,688%/tháng; Lãi quá hạn: 2,688%/tháng x 150% = 4.032%/tháng.

+ Số tiền lãi quá hạn 01 ngày: 16.080.000 đồng x (4.032%/30) = 21.612 đồng.

+ Số ngày lãi quá hạn từ ngày 25/12/2025 đến ngày 11/09/2026 là 260 ngày.

+ Số tiền lãi quá hạn từ ngày 25/12/2025 đến ngày 11/09/2026 là 21.612 đồng x 260 = 5.619.120 đồng.

Tổng số tiền: 21.699.120 đồng.

2. Số thẻ: 211251-5713: Số tiền gốc tính từ ngày 25/12/2025 là 9.115.000 đồng.

- Việc tính lãi quá hạn được tính trên cơ sở như sau:

+ Lãi vay tiêu dùng 2,382%/tháng; Lãi quá hạn: 2,382%/tháng x 150% = 3,573%/tháng.

+ Số tiền lãi quá hạn 01 ngày: 9.115.000 đồng x (3,573%/30) = 10.856 đồng.

+ Số ngày lãi quá hạn từ ngày 25/12/2025 đến ngày 11/09/2026 là 260 ngày.

+ Số tiền lãi qúa hạn từ ngày 25/12/2025 đến ngày 11/09/2026 là 10.856 đồng x 260= 2.822.560 đồng

Tổng số tiền: 11.937.560 đồng.

3. Số thẻ: 211251-2857: Số tiền gốc tính từ ngày 25/12/2025 là 7.855.000 đồng.

- Việc tính lãi quá hạn được tính trên cơ sở như sau:

+ Lãi vay tiêu dùng 2,274%/tháng; Lãi quả hạn: 2,274%/tháng x 150% = 3,411%/tháng.

+ Số tiền lãi quá hạn 01 ngày: 7.855.000 đồng x (3,411%/30) = 8.931 đồng.

+ Số ngày lãi quá hạn từ ngày 25/12/2025 đến ngày 11/09/2026 là 260 ngày.

+ Số tiền lãi quá hạn từ ngày 25/12/2025 đến ngày 11/09/2026 là 8.931 đồng x 260 = 2.322.060 đồng.

Tổng số tiền: 10.177.060 đồng.

Nay, S2 yêu cầu Tòa án buộc ông T trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 11/9/2026 tổng cộng là 43.813.740 đồng (Bốn mươi ba triệu tám trăm mười ba nghìn bảy trăm bốn mươi đồng) và yêu cầu ông T tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho S2 kể từ ngày 12/9/2026 cho đến khi trả hết nợ cho S2 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

Bị đơn ông Võ Lê Chiến T vắng mặt trong quá trình tố tụng, không có ý kiến trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 404/2026/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2026; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải kèm theo giấy triệu tập ông T đến Tòa án để tham gia tố tụng, nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do và không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến về nội dung vụ án. Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại các phiên tòa sơ thẩm là chưa chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Võ Lê Chiến T có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho S2 tính đến ngày 11/9/2026 là 43.813.740 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh cho S2 kể từ ngày 12/9/2026 cho đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Tòa án nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Bị đơn có nơi cư trú tại xã L, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân khu vực 13 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Võ Lê Chiến T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia các phiên tòa sơ thẩm mở ngày 26/8/2026 và ngày 11/9/2026 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông T theo quy định.

[2]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ.*

Căn cứ Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân số 258-TTD/PGDLH ngày 24/6/2024 giữa S2 và ông Võ Lê Chiến T, theo đó S2 cấp tín dụng cho ông Võ Lê Chiến T, hạn mức 30.000.000 đồng qua thẻ tín dụng VISA, gồm các khoản vay có số thẻ 211251-9599; 211251-5713 và 211251-2857; lãi suất 2,49%/tháng.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Kể từ khi được cấp tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch tổng số tiền 42.000.000 đồng và đã thanh toán cho S2 số tiền 17.269.000 đồng. Tính đến ngày 11/9/2026, ông T còn nợ S2 số tiền gốc và lãi tổng cộng là 43.813.740 đồng.

Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên S2 khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ là phù hợp.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông T không đến Tòa án tham gia tố tụng và cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình là đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Như vậy, có căn cứ xác định tính đến ngày 11/9/2026 ông Võ Lê Chiến T còn nợ S2 số tiền nợ gốc và nợ lãi tổng cộng là 43.813.740 đồng, do đó buộc ông Võ Lê Chiến T có nghĩa vụ trả cho S2 toàn bộ số nợ trên là phù hợp.

Về lãi suất:

Kể từ ngày 12/9/2026, ông Võ Lê Chiến T có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh cho S2 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Đề

nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân số 258-TTD/PGDLH ngày 24/6/2024.

[3]. *Về án phí dân sự sơ thẩm.*

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp, cụ thể:

Bị đơn ông Võ Lê Chiến T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 2.191.000 đồng (đã làm tròn số).

Nguyên đơn S2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 837.635 đồng.

[4]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227; Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn ông Võ Lê Chiến T.

Buộc ông Võ Lê Chiến T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 11/9/2026 là 43.813.740 đồng (Bốn mươi ba triệu tám trăm mười ba nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày 12/9/2026, ông Võ Lê Chiến T tiếp tục phải trả khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ chưa thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (Đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân số 258-TTD/PGDLH ngày 24/6/2024) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của tổ chức tín dụng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Võ Lê Chiến T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.191.000 đồng (Hai triệu một trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 837.635 đồng (Tám trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013072 ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND khu vực 13-Tp.HCM;
- THADS Tp.HCM (Phòng THADS khu vực 13-Tp.HCM);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Duy